

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về chủ trương đầu tư

**Công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống xử lý nước thải và san nền,
vị trí số 04: Điểm dân cư phía trước nhà ông Trần Minh An
thuộc thôn Kim Xuyên, xã Phước Hòa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/06/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND huyện Tuy Phước về quy định mức vốn dự án đầu tư công nhóm C HĐND huyện giao UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư;

Căn cứ Văn bản số 194/UBND-TC ngày 28/2/2023 của UBND huyện Tuy Phước về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống xử lý nước thải và san nền, vị trí số 04: Điểm dân cư phía trước nhà ông Trần Minh An thuộc thôn Kim Xuyên, xã Phước Hòa;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND xã Phước Hoà tại Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 30/3/2023 và của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Báo cáo số 116/BC-PTCKH ngày 28/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chủ trương đầu tư công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống xử lý nước thải và san nền, vị trí số 04: Điểm dân cư phía trước nhà ông Trần Minh An thuộc thôn Kim Xuyên, xã Phước Hòa do UBND xã Phước Hoà làm Chủ đầu tư, với các nội dung như sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm tạo quỹ đất bán đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn thu ngân sách; đồng thời từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch. góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Quy mô đầu tư:

- Tổng diện tích xây dựng: $F = 6.928,6 \text{ m}^2$.

2.1. San nền:

- Diện tích san nền mặt bằng: $F = 4.376,14 \text{ m}^2$, trong đó:

- Đất nền CPĐ hệ số đầm nén: $K = 90$.
- Cao độ san nền: Từ 3.60 đến 3.30, lấy theo cao độ ranh giới quy hoạch.
- Chiều cao đắp đất trung bình: $h = 1,55$ m.

2.2. Đường giao thông:

- Tổng chiều dài các tuyến đường: $L = 208,8$ m, trong đó:
 - + Đường số 1: $L_1 = 172,2$ m.
 - + Đường số 2: $L_2 = 36,6$ m.
- Mặt cắt ngang đường: $B = 9,0$ m, trong đó:
 - + Đường số 1: $B_1 = 1+6+2 = 9,0$ m.
 - + Đường số 2: $B_2 = 1,5+6+1,5 = 9,0$ m.
- Kết cấu mặt đường theo tiêu chuẩn đường GTNT loại B: BTN C12,5 dày 5cm, bê tông M250, đá 2x4, dày 20cm, lót bạt nhựa, lu tăng cường nền đường $K=98$ dày 30cm.
 - Nền đường CPĐ đầm chặt hệ số đầm nén: $K = 95$.
 - Vía hè lát gạch Terrazo dày 3,2cm, kết cấu đỡ bằng bê tông lót nền đá 2*4, M150, dày 7cm, đắp đất đầm chặt hệ số đầm nén $K=90$.
 - Tải trọng thiết kế: H10.
 - Độ dốc dọc của các tuyến đường: Từ 0,07%:-:0,55%.
 - Vận tốc thiết kế: 30 km/h.
 - Bó vỉa hè hai bên đổ bê tông M250, đá 1x2.
 - Đường giao thông nội bộ thiết kế theo TCXDVN 104:2007: đường đô thị - yêu cầu thiết kế là đường phố nội bộ, đô thị loại V, đồng bằng.

2.3. Hệ thống thoát nước mưa:

- Bố trí hệ thống thoát nước mưa cho toàn công trình.
- Kết cấu bằng ống buy BTLT Ø600mm: Đoạn vỉa hè H10, đoạn qua đường H30.
- Kết cấu hố ga, cửa xả bằng bê tông và bê tông cốt thép đá 1x2, M250.
- Tấm đan nắp hố ga bằng gang.

2.4. Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt:

- Bố trí hệ thống thoát nước thải sinh hoạt cho công trình chạy dọc theo các tuyến đường, thu gom về hố ga chờ đầu nối. Bao gồm: Tuyến ống thoát nước thải HDPE D250mm và các tuyến ống đầu nối hộ dân PVC D114mm.
 - Hố thăm: Kết cấu hố thăm bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ đá 1x2, M200, tấm đan nắp hố ga, bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M250.

2.5. Hệ thống cấp nước sinh hoạt:

- Bố trí hệ thống cấp nước sinh hoạt cho toàn công trình.
- + Ống cấp nước trực chính HDPE D63mm.
- + Ống lồng STK DN150mm.
- Các vật tư phụ tùng trên tuyến.

2.6. Hệ thống điện:

- Di dời trụ điện 22kV bị vướng trụ điện tại nút giao thông đi vào khu dân cư.
- Xây dựng mới đường dây 0,4kV cấp điện sinh hoạt cho khu dân cư.
- Xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng cho các tuyến đường nội bộ khu dân cư.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.

4. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 7.608.651.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, sáu trăm lẻ tám triệu sáu trăm năm mươi một nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 6.414.844.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 186.095.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 507.534.000 đồng;
- Chi phí khác: 137.596.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 362.582.000 đồng.

5. Nguồn vốn đầu tư và khả năng cân đối vốn:

- Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu vực này trước khi phân chia tỷ lệ theo cơ chế và các nguồn vốn hợp pháp khác.
- Khả năng cân đối vốn: Theo kế hoạch bố trí vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

UBND xã Phước Hoà có trách nhiệm bố trí nguồn vốn và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện dự án. UBND huyện sẽ cân đối hỗ trợ từ nguồn đấu giá QSD đất khu vực này cho UBND xã Phước Hoà theo quy định.

6. Địa điểm thực hiện dự án: xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2024 (Triển khai công trình khi cân đối được nguồn vốn, kế hoạch vốn theo quy định).

8. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn: Công trình Hạ tầng kỹ thuật.

9. Hình thức đầu tư của dự án: theo Luật Đầu tư công.

Điều 2. UBND xã Phước Hoà chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch UBND xã Phước Hoà và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HS (10);
- Lưu VT.K₃. T15.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Nam